ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH THUẾ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN HỘI NHẬP

Hà Thị Thúy Vân
Trường Đại học Thương mại
Email: van_hathuy@yahoo.com.vn

Ngày nhận: *12/02/2016* **Ngày nhận lại:** *19/02/2016* **Mã số:** *91.2BAcc.22*

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước, chính sách thuế nói chung, chính sách thuế xuất nhập khẩu (XNK) nói riêng vừa phải đảm bảo sự phù hợp với hội nhập, vừa phải thể hiện khả năng ứng phó với hội nhập quốc tế sâu rộng. Ở Việt Nam, chính sách thuế XNK được thể hiện trong luật thuế XNK và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong nhiều năm qua, điểm nổi bật của chính sách thuế XNK là việc hoàn thiện cách tính thuế thống nhất với pháp luật về xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; quy định chi tiết cách thức mô tả hàng hóa XNK, sửa đổi quy trình, thủ tục thu nộp thuế cho phù hợp với Luật Hải quan, góp phần tăng cường quản lý hoạt động xuất, nhập khẩu theo cam kết quốc tế. Mặc dù vậy, trước yêu cầu ngày càng khắt khe của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, chính sách thuế XNK hiện hành đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần tiếp tục được nghiên cứu, sửa đổi để đáp ứng yêu cầu mới như đối phó và ứng phó với yêu cầu cắt giảm thuế quan khi Việt Nam gia nhập thị trường chung ASEAN 2015; đàm phán thương mại ASEAN-EU; đàm phán để tham gia vào Hiệp định đối tác xuyên thái bình dương (TPP).

Từ khóa: *chính sách, thuế xuất nhập khẩu, hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương*

1. Đặt vấn đề

Luật Thuế XNK được ban hành lần đầu vào năm 1991, tiếp đó có 2 lần sửa đổi bổ sung năm 1994 và năm 1998. Tuy nhiên, đứng trước yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đó, ngày 11/6/2005, Quốc hội thông qua luật thuế XK, thuế NK sửa đổi, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006 (sau đây gọi là Luật thuế XNK 2005). Theo đó, nhiều văn bản dưới Luật được ban hành nhằm hướng dẫn chi tiết thực hiện Luật thuế này, đây là cơ sở pháp lý quan trọng để thực hiện chính sách thuế XNK của Việt Nam từ đó đến nay. Trong suốt thời kỳ này, Bộ Tài chính sửa đổi một số điểm trong các văn bản hướng dẫn về thuế XNK. Chẳng hạn, Thông tư 59/2007/TT-BTC ngày14/6/2007 hướng dẫn thi hành thuế XNK, quản lý thuế đối với hàng hóa XNK được thay thế bằng Thông tư 79/2009/TT-BTC. Sau đó, do phát sinh nhiều vướng mắc trong quá trình triển khai, Thông tư này tiếp tục được thay thế bằng Thông tư 194/2010/TT-BTC. Ngày 10/9/2013, Thông tư 128/2013/TT-BTC hướng dẫn chi tiết về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế XK, thuế NK và quản lý thuế đối với hàng hóa XK, NK tiếp tục thay thế cho Thông tư 194/2010/TT-BTC. Việc sửa đổi bổ sung đã đảm bảo một số mục tiêu của chính sách thuế XNK thời kỳ này như: đảm bảo nguồn thu cho ngân sách; chính sách thuế XNK là công cụ khuyến khích hoạt động ngoại thương và bảo hộ sản xuất trong nước hiệu quả; ngày càng được hoàn thiện, cơ bản đồng bộ với các chuẩn mực quốc tế mà Việt Nam đã ký kết.

Mặc dù vậy, trước yêu cầu ngày càng khắt khe của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng đặc biệt là khi Việt Nam đã chính thức tham gia đàm phán TPP đồng thời mục đích chính của hiệp định TPP là xóa bỏ hoàn toàn các loại thuế và rào cản xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ giữa các nước tham gia hiệp định, tạo ra một môi trường kinh doanh quốc tế xuyên Thái Bình

Dương. Tuy nhiên, chính sách thuế xuất nhập khẩu hiện hành đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần tiếp tục được nghiên cứu, sửa đổi để đáp ứng yêu cầu mới như đối phó và ứng phó với yêu cầu cắt giảm thuế quan khi Việt Nam gia nhập thị trường chung ASEAN 2015; đàm phán thương mại ASEAN- EU; đàm phán để tham gia vào Hiệp định đối tác xuyên thái bình dương (TPP). Vì vậy, bài này tác giả đi vào phân tích một số tồn tại trong chính sách thuế xuất nhập khẩu hiện hành và từ đó đưa ra một số đề xuất về chính sách thuế xuất nhập khẩu trong bối cảnh ký kết hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương.

2. Một số tồn tại chủ yếu trong chính sách thuế xuất nhập khẩu hiện hành

Trong điều kiện khắt khe của quá trình hội nhập, chính sách thuế vừa phải đảm bảo sự phù hợp với hội nhập, song cũng phải thể hiện khả năng ứng phó với hội nhập quốc tế sâu rộng. Xét về khía cạnh này, chính sách thuế XNK hiện hành còn nhiều điểm chưa thể hiện được khả năng ứng phó với hội nhập.

Một là, chính sách thuế suất thuế XNK quy định chưa thực sự hợp lý, vẫn tạo kẽ hở cho các hành vi gian lận thuế của Nhà nước

Chính sách thuế hiện hành quy định nhiều mức thuế suất khác nhau, đặc biệt đối với thuế NK. Việc thiết kế nhiều mức thuế suất thuế NK không những gây nên hiện tượng bóp méo giá cả hàng hóa nhập khẩu, gây nhiều khó khăn cho cán bộ thuế, hải quan bởi vì người kinh doanh nhập khẩu sẽ luôn luôn tìm cách chuyển những hàng hóa nhập khẩu chịu mức thuế cao về mức thuế thấp thông qua làm giả xuất xứ hoặc thay đổi mã phân loại hàng hóa NK để hưởng mức thuế suất thấp hơn, ưu đãi hơn nhằm trốn thuế.

Hai là, giá tính thuế dù có sửa đổi trong cách tính nhưng còn một số điều khoản chưa thực sự phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia

Việc xác định giá tính thuế là vấn đề phức tạp, đồng thời liên quan đến vấn đề cam kết quốc tế, tuy nhiên, quy định giá tính thuế và tỷ giá tính thuế tại Điều 9 của Luật Thuế XNK hiện nay chưa phù hợp với quy định tại Nghị định 40/2007/NĐ-CP và chưa phù hợp với thông lệ quốc tế. Chẳng hạn, đối với hàng hóa XK trong hợp đồng có quy định giá bán tại cửa khẩu xuất nhưng chưa phản ánh đầy đủ các chi phí (chi phí vận tải đến cửa khẩu xuất, chi phí bốc hàng lên tàu... do người mua trả). Hoặc tại Điểm 1 và 2 Điều 9 Luật Thuế XNK hiện hành quy định việc xác định giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên theo hợp đồng, được xác định theo quy định của pháp luật về trị giá hải quan đối với hàng hóa NK hiện nay. Tuy nhiên, giá tính thuế đối với hàng hóa XNK theo cách này có thể khác với việc xác định theo quy định của pháp luật về trị giá hải quan[1]. Nhiều doanh nghiệp (DN) khai báo thấp trị giá đối với những mặt hàng chịu thuế suất cao, những hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, những mặt hàng nhạy cảm hay biến động... bằng cách tháo rời hàng nguyên chiếc thành linh kiện hoặc nguyên liệu NK, khai sai chất liệu, thành phần, phẩm cấp hàng hóa để giảm trị giá tính thuế...

Ba là, áp dụng tỷ giá tính thuế đối với hàng hóa NK theo quy định hiện nay chưa tạo thuận lợi trong việc áp dụng tỷ giá đối với cơ quan Hải quan và người nộp thuế, chưa phù hợp với định hướng thông quan điện tử

Luật Thuế XNK 2005 quy định dùng tỷ giá hối đoái do Ngân hàng Nhà nướcViệt Nam (NHNN) công bố tại thời điểm tính thuế đã tạo thuận lợi cho việc xác định số tiền thuế phải nộp. Tuy nhiên, trong thực tế, việc đăng ký tờ khai hải quan XNK của DN không cùng thời điểm với hàng hóa được XNK chính thức, do đó, dẫn đến tỷ giá và số thuế tại thời điểm đăng ký và thời điểm khai báo là khác nhau. Mặt khác, việc áp dụng tỷ giá tính thuế đối với hàng hóa NK theo quy định hiện nay chưa tạo thuận lợi trong việc xác định, áp dụng tỷ giá đối với cơ quan Hải quan và người nộp thuế, chưa phù hợp với định hướng thông quan điện tử (Dự án Thông quan điện tử VNACCS ngành Hải quan đã chính thức đi vào hoạt động ngày 25/4/2014). Hơn nữa, khi ngân hàng đột ngột thông báo thay đổi tỷ giá sẽ gây khó khăn cho DN NK. Đối với những trường hợp khoảng 16 giờ ngân hàng mới thông báo điều chỉnh tỷ giá trong ngày và áp dụng hồi tố cho tất cả các tờ khai hải quan thực hiện trong ngày hôm đó sẽ khiến cho DN mở tờ khai trước thời điểm này trong ngày phải điều chỉnh lại toàn

Đối với hàng hóa XK là giá bán tại cửa khẩu xuất theo hợp đồng còn giá tính thuế đối với hàng hóa NK là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên theo hợp đồng (bộ phận cơ bản của trị giá tính thuế hàng hóa NK theo Hiệp định trị giá WTO).

bộ trị giá tính thuế hàng hóa theo tỷ giá mới...

Bốn là, chính sách miễn thuế xuất nhập khẩu không rõ ràng, gây khó khăn cho công tác quản lý thuế

Các trường hợp được miễn thuế theo tiêu chuẩn quy định gồm: hàng tạm nhập, tái xuất và hàng quá cảnh; hành lý miễn thuế của hành khách; hàng hóa NK được hưởng tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao và ưu đãi thuế theo các công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia; miễn thuế theo chính sách ưu đãi đầu tư nước ngoài của Chính phủ... Quy định này cho phép nhiều nguyên liệu thô và bán thành phẩm được miễn thuế tùy từng trường hợp sử dụng, cho thấy với cùng một loại hàng hóa nhưng được đối xử về thuế rất khác nhau bởi nó tùy thuộc vào mục đích sử dụng cuối cùng và các đặc điểm khác không xuất phát từ tính chất của hàng hóa. Công tác quản lý thuế gặp trở ngại do quy định rộng rãi và phức tạp về các trường hợp được miễn thuế. Hơn nữa, một số quy định miễn thuế chỉ áp dụng nếu hàng hóa có liên quan không được sản xuất trong nước hay tạm hoãn và miễn giảm thuế cho các DN sản xuất hàng hóa XK; các DN thuộc khu chế xuất ở Việt Nam cũng không phải nộp thuế cho nhiều nguyên liệu đầu vào và nguyên liệu thô (Điều 16, luật thuế XNK 2005), gây bóp méo tác động bảo hộ của thuế.

Năm là, thời hạn nộp thuế theo quy định tại Luật Thuế xuất nhập khẩu 2005 và các quy định liên quan đến quản lý thuế thiếu đồng bộ

Luật Thuế XNK quy định cụ thể đối với hàng hóa XK là 30 ngày, kể từ ngày đối tượng nộp thuế đăng ký tờ khai hải quan nhưng trong từng trường hợp cụ thể thời hạn nộp thuế khác nhau. Thực tế, cơ quan Hải quan vẫn cho phép thông quan hàng hóa trước khi người NK nộp thuế, điều này chưa đảm bảo tính tuân thủ trong quy trình nộp thuế. Hơn nữa, cơ quan Hải quan quản lý tờ khai trong khi Kho bạc Nhà nước tiếp nhận thuế phải nộp, khoảng cách giữa ngày thông quan hàng hóa với ngày nộp thuế (hầu hết các trường hợp kể cả NK và XK, người nộp thuế có 30 ngày để nộp thuế) cho thấy Kho bạc Nhà nước đang cấp một phần vốn lưu động cho hầu hết các DN.

3. Nguyên nhân của những tồn tại trong chính sách thuế xuất nhập khẩu

- *Thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý thuế XNK*, nhiều chính sách về thuế XNK phải căn cứ và dẫn chiếu sang các văn bản về quản lý thuế, về hải quan và nhiều tài liệu liên quan đến phân loại hàng hóa và xuất xứ của Bộ Công Thương. Sự không thống nhất cách hiểu việc áp dụng các quy định này giữa cơ quan hải quan và các cơ quan bảo vệ pháp luật khác, giữa cơ quan hải quan và DN, nên thực tế đã phát sinh nhiều tranh chấp không đáng có. Chẳng hạn, Luật Thương mại quy định một số loại hình dịch vụ có XK, nhập khẩu hàng hóa, nhưng chưa được luật Hải quan quy định về thủ tục hải quan, như: hàng hóa gia công cho thương nhân nước ngoài hoặc thuê nước ngoài gia công; hàng hóa chuyển khẩu, vận chuyển đa phương thức; hàng trung chuyển.

- *Phương pháp kiểm tra các căn cứ tính thuế hiện nay chưa phù hợp với yêu cầu ngày càng cao của hội nhập quốc tế*. Việc kiểm tra trị giá tính thuế chủ yếu dựa vào hồ sơ mà chưa chú ý đến sự bất hợp lý của mức giá khai báo. Tham vấn chưa có trọng điểm, trọng tâm. Chưa xây dựng được hệ thống tra cứu mã số thuế hàng hóa khoa học và thuận tiện. Các nguyên tắc chung của hệ thống hài hòa mô tả và mã hàng hóa rất rõ ràng nhưng khó áp dụng thống nhất trong tất cả các trường hợp. Thực tế việc áp mã số thuế lại phụ thuộc nhiều vào nhận thức của từng cá nhân. Do đó, cùng một mặt hàng nhưng tại các đơn vị hải quan khác nhau lại phân loại và áp mã số thuế khác nhau. Chưa chú ý đến việc tổng hợp và lưu giữ kết quả phân tích phân loại của cơ quan phân tích, phân loại và các mã thường xuyên XNK qua địa bàn quản lý nên việc áp mã số đôi khi bị chậm trễ.

- *Ý thức tuân thủ pháp luật về thuế của một số DN xuất nhập khẩu còn thấp*. Tồn tại các DN đã lợi dụng chính sách ân hạn thuế: trong thời gian được ân hạn thuế DN đã nhập ồ ạt nhiều lô hàng, có số thuế từ trăm triệu đến vài tỷ đồng. Sau đó DN ngừng hoạt động, giải thể... để trốn tránh nghĩa vụ nộp thuế. Một số DN khác lợi dụng việc cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thông thoáng cho hoạt động XK, nhập khẩu của DN đã cố tình thực hiện không đúng quy định, khai báo sai, gian lận thuế. Sau khi bị cơ quan hải quan kiểm tra, phát hiện tiến hành truy thu tiền thuế thì các DN này không nộp.

- *Các mặt hàng XNK ngày càng phong phú, đa dạng*. Nhiều mặt hàng XNK mới lần đầu xuất hiện nên không kịp bổ sung vào danh mục quản lý rủi ro về giá, không có hàng hóa giống hệt, tương tự để so sánh giá, từ đó dễ bị gian lận về giá tính thuế, gây thất thu thuế cho NSNN.

4. Một số đề xuất về chính sách thuế xuất nhập khẩu nhằm thích ứng với yêu cầu hội nhập sâu rộng trong bối cảnh ký kết hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương

4.1. Sửa đổi, bổ sung những quy định chưa phù hợp, chưa đồng bộ với pháp luật hiện hành và chưa đề cao được vai trò quản lý của Nhà nước trong chống gian lận thương mại, chống thất thu thuế

Một là, giảm số lượng mức thuế để đảm bảo tính đơn giản của biểu thuế

Nghiên cứu lộ trình điều chỉnh giảm số lượng mức thuế để đảm bảo tính đơn giản của biểu thuế, đồng thời hạn chế tình trạng trốn thuế thông qua lợi dụng chính sách phân loại hàng hóa của Nhà nước do việc thiết kế thuế suất được quy định dựa trên nước xuất xứ của hàng hóa, sau đó dựa trên phân loại hàng hóa đối với từng nước (Việt Nam hiện nay có khoảng 20 thuế suất nhập khẩu khác nhau). Nhằm đơn giản Biểu thuế suất nhưng vẫn đảm bảo dựa trên cơ sở danh mục điều hòa (HS) của Hội đồng hợp tác Hải quan thế giới, theo kinh nghiệm quốc tế, quy định 2 đến 3 mức thuế suất thuế NK căn cứ trên phân loại hàng hóa, số loại thuế suất dựa trên nguồn gốc xuất xứ không nên nhiều hơn 3 loại. Đối với loại hàng hóa cơ bản, có thể duy trì 3 mức thuế suất dựa trên phân loại hàng hóa: mức thấp nhất (ví dụ 5%) có thể áp dụng cho yếu tố đầu vào, mức cao hơn (ví dụ: 15%) áp dụng cho hàng hóa trung gian, và mức cao nhất (ví dụ 25%) áp dụng cho hàng hóa tiêu dùng thuần túy. Đối với hàng hóa không khuyến khích nhập khẩu có thể quy định mức thuế suất cao hoặc quy định cấp phép nhập khẩu cho các loại hàng hóa này.

Hai là,cải tiến cách xác định tỷ giá tính thuế XNK theo hướng nới rộng ngày áp dụng tỷ giá hoặc áp dụng tỷ giá bình quân theo tuần

Cải tiến cho phép nới rộng ngày áp dụng tỷ giá nhưng không quá ba ngày liền kề trước ngày đăng ký tờ khai hải quan hoặc, áp dụng tỷ giá bình quân theo tuần, tỷ giá bình quân của tuần trước áp dụng cho hàng hóa XNK đăng ký tờ khai của tuần sau nhằm tránh DN phải kê khai lại trong các trường hợp phải kê khai.

Việc quy định tỷ giá theo phương án này sẽ thống nhất kỳ tính tỷ giá giữa đồng Việt Nam với USD và các ngoại tệ khác; thuận lợi trong việc quy định về xác định, áp dụng tỷ giá theo ngày cố định trong tuần; cả DN và cơ quan Hải quan đều dễ nhớ ngày áp dụng tỷ giá do việc thay đổi tỷ giá được xác định vào một ngày cố định trong tuần. Nếu quy định theo phương án này thì cần thống nhất với NHNN để thay đổi kỳ thông báo, áp dụng tỷ giá giữa đồng Việt Nam với các ngoại tệ khác (ngoài USD) do tỷ giá giữa đồng tiền Việt Nam với các ngoại tệ khác hiện nay đang áp dụng tỷ giá tính chéo tại thời điểm tính thuế do NHNN công bố theo kỳ (10 ngày/kỳ).

Ba là, rà soát lại chính sách ân hạn về thời hạn nộp thuế

Do cơ chế thông thoáng trong việc hoạt động của DN nên có tình trạng lợi dụng chính sách để nợ thuế, sau đó bỏ trốn hoặc tự giải thể. Đồng thời quy định này dẫn đến sự bất lợi cho hàng hóa sản xuất trong nước so với hàng NK. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy đa số các nước không cho nợ thuế đối với hàng hóa NK, phải nộp thuế trước khi nhận hàng (Thái Lan, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Campuchia, Lào...); một số nước cho chậm nộp thuế nhưng phải có bảo lãnh (Anh), hoặc cho nộp chậm với điều kiện có tài khoản do cơ quan Hải quan quản lý để đảm bảo việc nộp thuế (Newzeland).

Để khắc phục tình trạng trên, cần sửa đổi quy định về thời hạn nộp thuế đối với hàng hóa XNK theo hướng người nộp thuế phải nộp thuế trước thời điểm thông quan hoặc giải phóng hàng. Trường hợp có bảo lãnh thì được thông quan nhưng phải trả lãi chậm nộp, thời hạn bảo lãnh thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Bốn là, sửa đổi quy định về miễn thuế XNK để đảm bảo thực hiện các cam kết của hội nhập và thể hiện tính công bằng

Chính sách miễn, giảm thuế XNK đã được sửa đổi bổ sung nhiều lần liên quan đến thủ tục. Song vẫn tồn tại những điểm không rõ ràng hoặc thiếu công bằng. Quy định miễn thuế theo chính sách ưu đãi đầu tư nước ngoài cho phép nhiều nguyên liệu thô và bán thành phẩm được miễn thuế tùy từng trường hợp sử dụng cụ thể của dự án. Như vậy, cùng một loại hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam nhưng ưu đãi thuế khác nhau do mục đích sử dụng khác nhau. Vì vậy, nếu quy định không chặt chẽ, khó có thể phát hiện hiện gian lận và tình trạng trốn lậu thuế có nguy cơ xảy ra ngày một nhiều hơn. Hơn nữa, trong chính sách miễn, giảm thuế hiện hành quy định nguyên liệu nhập khẩu để gia công hàng hóa XK thì được miễn thuế NK trong khi nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng

XK thì chỉ được ân hạn về thời hạn nộp thuế, thậm chí ân hạn này cũng chỉ dành cho các DN chấp hành tốt pháp luật về thuế.

Do đó, cần có các văn bản hướng dẫn chi tiết các trường hợp miễn thuế cho từng đối tượng, bao quát các tình huống có thể nảy sinh. Sửa đổi quy định về miễn thuế NK nguyên liệu nhập khẩu để gia công hàng XK theo hướng cho phép DN chấp hành tốt pháp luật về thuế mới được hưởng quyền ưu đãi này; không áp dụng cho DN chưa chấp hành tốt pháp luật về thuế và áp dụng tương tự đối với nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất hàng XK. Vì vậy, chính sách miễn, giảm thuế phải đảm bảo công bằng, hướng tới bãi bỏ những ưu đãi về thuế XNK theo thông lệ quốc tế.

4.2. Cải tiến quy trình xây dựng chính sách thuế XNK theo hướng phối hợp chặt chẽ với các cơ quan ban hành chính sách có liên quan đến thuế XNK và tôn trọng ý kiến của các DN

Việt Nam nên cải tiến quy trình hoạch định chính sách, với sự tham gia cả tất cả các bên liên quan, bao gồm: Chính phủ, DN, trong lĩnh vực này cần đặc biệt lưu ý đến DN thuộc lĩnh vực XNK, người tiêu dùng, người nước ngoài, các nhà tài trợ, các nhà khoa học, chuyên gia. Chính sách thuế XNK ở Việt Nam được xây dựng với sự can dự hạn chế của DN. DN chỉ được phép có ý kiến sau hoặc khi có vấn đề phát sinh được yêu cầu sửa đổi. Hơn nữa, các chính sách không có sự phối hợp giữa các Bộ, chỉ là bản liệt kê các chính sách mà thiếu kế hoạch hành động cụ thể. Mỗi Bộ ngành có nhiều kế hoạch nhưng lại không xác định được lĩnh vực ưu tiên. Việc xây dựng chính sách thuế XNK phân tán và có quá nhiều sự chồng lấn. Nếu muốn xử lý vấn đề liên quan đến ôtô nhập khẩu về Việt Nam, DN cần gặp đại diện Bộ Tài chính, Tổng cục thuế, Tổng cục Hải Quan, Bộ Công thương, Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài nguyên Môi trường, Bộ Khoa học - Công nghệ, lực lượng cảnh sát giao thông... và thực tế không một cơ quan nào chịu trách nhiệm chủ đạo trong việc này. Kết quả điều tra khảo sát của VCCI đối với 400 DN (đầu năm 2014) về sự quan tâm của doanh nghiệp đến việc Chính phủ ký kết các Hiệp định cho thấy: Ký kết hợp tác xuyên Thái Bình Dương TPP và Ký kết Hiệp định thương mại tự do ASEAN-EU được khoảng 9% DN quan tâm.

Trong bối cảnh Việt Nam đang tiến tới hình thành cộng đồng kinh tế ASEAN với xu thế hội nhập thị trường lao động, hàng hóa, thương mại và những yêu cầu mới của việc nâng cao năng xuất lao động thì sự "thờ ơ" của DN là một tín hiệu đáng lo ngại từ cả hai phía: từ phía DN là vấn đề nhận thức và từ phía Nhà nước là sự chào mời DN tham gia vào quy trình xây dựng chính sách, tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật. Cộng đồng DN cũng chưa thực sự chủ động tham gia vào quy trình hoạch định chính sách bởi vì họ không được tham gia với Nhà nước trong việc này. Các quy định về thủ tục hải quan, như: hàng hóa gia công cho thương nhân nước ngoài hoặc thuê nước ngoài gia công; hàng hóa chuyển khẩu, vận chuyển đa phương thức; hàng trung chuyển chưa có sự thống nhất với các quy định về đối tượng này của Bộ Công Thương. Hơn nữa, chính sách liên quan đến việc cấp xuất xứ hàng hóa và áp mã số còn chưa rõ ràng. Vì vậy, giữa Bộ Công Thương và Bộ Tài Chính phải có bộ phận chuyên phối hợp chính sách tránh tình trạng lấn át lấn nhau trong thẩm quyền quy định chính sách hoặc quy định rời rạc, thiếu khả thi.

4.3. Thiết kế chính sách thuế NK để ứng phó với hội nhập theo hướng hiện đại

Một là, giảm số thu từ thuế NK nhưng vẫn phải đảm bảo góp phần ổn định nguồn thu cho NSNN

Thuế NK giảm mạnh sẽ ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô như GDP, giá sản xuất và tiêu dùng; và thu ngân sách (vì thuế NK chiếm một phần đáng kể trong thu ngân sách). Tuy nhiên, việc giảm thuế NK là tất yếu vì các lý do: (i) thực tiễn đã chỉ ra rằng, đánh thuế NK cao không đồng nghĩa số thu từ thuế NK cao. Nói cách khác không phải cứ đánh thuế NK cao là nguồn thu ngân sách sẽ được lợi vì thuế NK cao sẽ hạn chế lượng hàng nhập khẩu và tạo động cơ cho việc nhập lậu; (ii) đáp ứng yêu cầu hội nhập. Về tổng thể, nếu thuế NK giảm sẽ có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế, do nền kinh tế được lợi từ việc chi phí đầu vào cho sản xuất giảm (Bảng 1).

Vì vậy, để giảm ảnh hưởng tiêu cực của việc giảm thuế NK tới thu ngân sách, các nhà hoạch định chính sách cần cân nhắc đến việc tăng các nguồn thu nội địa. Điều này phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế vì ở các nước phát triển, thu nội địa, đặc biệt là thuế thu nhập là nguồn thu chủ yếu trong NSNN.

Bảng 1 : Tác động của việc giảm thuế NK theo cam kết WTO

	Thuế NK giảm theo lộ trình 2007	Thuế NK giảm theo lộ trình 2020
Thu ngân sách	-3,36%	-5,62%
GDP	-0,90%	-1,50%
Giá sản xuất	-2,35%	-3,85%
Mức tăng GDP	1,45%	2,35%

Nguồn: Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - xã hội Quốc gia.

Hai là, trong dài hạn chính sách thuế XK là công cụ bảo vệ tài nguyên thiên nhiên nên thu hẹp đối tượng đánh thuế và hướng tới điều tiết bằng thuế tài nguyên hoặc các loại thuế "xanh"

Việc giảm dần các vai trò mà thuế XK thực thi không hiệu quả là điều cần thiết thông qua đánh thuế XK đối với tài nguyên, khoáng sản thô, chưa chế biến XK nhằm hạn việc XK đôi khi chỉ là mục tiêu có tính lý thuyết. DN khai thác, bán tài nguyên thiên nhiên dạng thô vẫn diễn ra phổ biến ở Việt Nam trong nhiều năm qua nên thay thế loại thuế tài nguyên hoặc các loại thuế "xanh" như thuế bảo vệ môi trường (Từ 1/1/2012 Thuế Bảo vệ môi trường đã được triển khai ở Việt Nam, ước tính số thu thuế từ loại thuế bảo vệ môi trường đối với tất cả các sản phẩm sẽ vào khoảng 2,7 tỷ đô la mỗi năm [UPI, Vietnam News]). Thuế XK chỉ nên áp dụng cho các nguồn lực có thể bị cạn kiệt, còn đối với các mặt hàng XK khác, có thể xem xét một số phương án bảo hộ hàng hóa XK, trong đó có việc mở rộng diện áp dụng mức thuế suất 0% đối với hàng hóa XK.◆

Tài liệu tham khảo:

1. Báo Hải quan, 2000, *Tìm hiểu Luật Hải quan và thuế quan của Mỹ*, số 75 (23), tr.11.

2. Bộ Tài chính, 2010, *Chiến lược cải cách thuế đến 2020.*

3. TS. Lê Thị Diệu Huyền, 2014, *DTNH.21/2013.*

4. Bigsten, A., Gebreeyesus, M. & Soderbom, M., 2013, *Tariff and firm performance in Ethiopia*, viewed 31 May 2014.

5. Michael Daly, 2013, *meeting IMF*- NHNN.

Summary

In the process of international economic intergration of the country, the tax policy in general, the export- import policy in particular not only must ensure conformity with the integration, but also must be able to cope with extensive international integration. In Vietnam, the export - import tax policy is reflected in the export- import tax law and enforcement guidelines. Over the years, the highlights of export - import tax policy is improvement of tax calculation methods in accordance with laws on determining customs value of export and import goods; regulations on detail descriptions export goods and import goods, changes on, tax collection procedures in accordance with the Customs law, contribute to enhance the operational management of export and import in accordance with international commitments. However, before the increasingly stringent requirements of the deeper international economic integration process, the current export- import tax policy has exposed some limitations that needed to be studied, and improved in order to meet new requirements such as tariff reduction requirements when Vietnam joined ASEAN common market in 2015; ASEAN - EU trade negotiations; negotiations to join the Agreement on Trans- Pacific Partnership (TPP).